

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 48/KT

V/v công bố thông tin

Yên Bái, ngày 19 tháng 10 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
2. Mã chứng khoán: CAP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
4. Điện thoại: 02163.862.278 - Fax: 02163.862.804
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Sơn
6. Điện thoại: 0944278586
7. Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ
8. Nội dung công bố thông tin:
 - 8.1. Báo cáo tài chính tổng hợp quý IV niên độ 2021-2022 (kỳ kế toán từ 01/07 đến 30/09/2022):
 - Bảng cân đối kế toán;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính;

8.2. Nội dung giải trình:

- Công văn số 48/KT ngày 19/10/2022 về việc giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính tổng hợp.

9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tại www.yfatuf.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

CÔNG TY
CỔ PHẦN
LÂM
NÔNG
SẢN
THỰC
PHẨM
YÊN BÁI

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
LÂM NÔNG SẢN THỰC
PHẨM YÊN BÁI
DN: C=VN, S=YÊN BÁI,
L=Thành phố Yên Bái,
CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN LÂM NÔNG SẢN
THỰC PHẨM YÊN BÁI,
OID.0.9.2342.19200300.
100.1.1=MST:
5200116441
Reason: I am the author
of this document
Location: your signing
location here
Date: 2022.10.20
09:37:30+07'00'
Foxit PDF Reader
Version: 11.1.0



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 462/KT

Yên Bái, ngày 19 tháng 10 năm 2022

V/v giải trình chênh lệch 10% lợi
nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm
trước tại BCTC tổng hợp

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện theo khoản 4, điều 14, chương III, thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020. Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế của kỳ này so với cùng kỳ năm trước như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty quý IV niên độ 2021-2022 (từ ngày 01/07 đến 30/09/2022) có kết quả như sau:

- | | | |
|---|---|---------------------|
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán này của năm 2022 | : | 40.007.391.446 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán này của năm 2021 | : | 19.352.574.874 đồng |
| - Chênh lệch tăng | : | 107% |

Nguyên nhân:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với cùng kỳ năm trước là 24%;
- Giá vốn hàng bán chỉ tăng so với cùng kỳ năm trước là 5%;
- Chi phí bán hàng tăng so với cùng kỳ năm trước là 193%;

Từ những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính tổng hợp năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP



Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICULTURAL AND FOODSTUFFS COMPANY

Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province

Email: Yfatuf@gmail.com

Website: www.yfatuf.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
QUÝ IV NIÊN ĐỘ 2021-2022

Kính gửi:.....



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/9/2022)	Số đầu năm (01/10/2021)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		188.515.183.067	100.667.134.097
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	153.575.145.959	78.943.429.566
1. Tiền	111		26.375.145.959	11.843.429.566
2. Các khoản tương đương tiền	112		127.200.000.000	67.100.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.555.774.188	6.157.233.822
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	16.287.678.416	5.315.931.242
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	232.850.000	370.287.604
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.040.903.322	476.672.526
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(5.657.550)	(5.657.550)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		17.146.104.503	15.167.059.038
1. Hàng tồn kho	141	V.6	17.146.104.503	15.167.059.038
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		238.158.417	399.411.671
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	145.494.540	399.411.671
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		92.663.877	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.505.340.905	52.018.814.880
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/9/2022)	Số đầu năm (01/10/2021)
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		38.021.917.787	47.842.022.151
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	38.021.917.787	47.842.022.151
- Nguyên giá	222		177.076.240.922	174.704.424.168
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(139.054.323.135)	(126.862.402.017)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	0	-
- Nguyên giá	228		171.000.000	171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(171.000.000)	(171.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.411.653.220	1.355.035.700
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	3.411.653.220	1.355.035.700
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.13	3.071.769.898	2.821.757.029
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3.071.769.898	2.821.757.029
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/9/2022)	Số đầu năm (01/10/2021)
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		233.020.523.972	152.685.948.977
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		38.838.273.140	33.209.388.286
I. Nợ ngắn hạn	310		38.811.423.140	33.182.538.286
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	6.827.112.676	4.027.380.038
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	684.844.801	1.412.511.026
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	12.375.714.140	15.063.667.802
4. Phải trả người lao động	314		4.785.847.803	8.514.014.378
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	688.097.362	870.746.323
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	6.147.877.482	1.616.744.271
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		5.983.221.494	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	1.318.707.382	1.677.474.448
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		26.850.000	26.850.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	25.000.000	25.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/9/2022)	Số đầu năm (01/10/2021)
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		194.182.250.832	119.476.560.691
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	194.182.250.832	119.476.560.691
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		78.539.680.000	52.360.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		78.539.680.000	52.360.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.187.651.245	8.042.628.692
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		106.131.858.916	58.750.641.328
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		93.452.288	1.499.513.698
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		106.038.406.628	57.251.127.630
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		233.020.523.972	152.685.948.977

Người lập biểu



Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Sơn



Ngày 10 tháng 10 năm 2022

Giám đốc



Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Quý IV niên độ 2021-2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ IV NIÊN ĐỘ 2021-2022		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay (01/7-30/9/2022)	Năm trước (01/7-30/9/2021)	Năm nay (01/10-30/9/2022)	Năm trước (01/10-30/9/2021)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	220.302.742.209	178.278.889.725	657.022.543.534	519.482.152.543
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	72.810.350	0	1.513.347.100
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	VI.1	220.302.742.209	178.206.079.375	657.022.543.534	517.968.805.443
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	157.320.167.512	150.089.766.827	478.975.592.840	420.170.198.433
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		62.982.574.697	28.116.312.548	178.046.950.694	97.798.607.010
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.689.931.295	371.943.036	3.907.393.620	1.180.257.970
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	637.095	261.900.903	1.332.803.542	1.693.379.884
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		637.095	180.580.118	1.172.507.118	1.525.328.840
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.971.304.890	4.092.344.627	30.647.257.188	12.454.302.686
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.667.248.346	911.620.434	22.357.549.443	17.777.272.058
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47.033.315.661	23.222.389.620	127.616.734.141	67.053.910.352
11. Thu nhập khác	31	VI.7	0	328.248.032	112.864.027	355.625.791
12. Chi phí khác	32	VI.8	162.439.891	45.000.012	697.529.396	101.186.355
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(162.439.891)	283.248.020	(584.665.369)	254.439.436
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		46.870.875.770	23.505.637.640	127.032.068.772	67.308.349.788
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	6.863.484.324	4.153.062.766	20.993.662.144	10.057.222.158
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		40.007.391.446	19.352.574.874	106.038.406.628	57.251.127.630
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	5,094	3,696	13,501	10,059

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp) (*)***Quý IV niên độ 2021-2022**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10-30/9/2022)	Năm trước (01/10-30/9/2021)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01		127.032.068.772	67.308.349.788
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		12.841.033.025	11.792.018.461
- Các khoản dự phòng	03		5.983.221.494	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(518.750.806)	3.746.837
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		2.574.590.078	(1.113.166.518)
- Chi phí lãi vay	06		1.172.507.118	1.525.328.840
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		149.084.669.681	79.516.277.408
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.491.204.243)	20.286.278.831
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.979.045.465)	(3.661.185.041)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.475.424.153)	2.976.767.412
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.904.262	(2.147.093.813)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.172.507.118)	(1.525.328.840)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(19.721.364.673)	(9.979.311.853)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.366.346.000)	(3.023.972.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		103.882.682.291	82.442.432.104
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.384.797.910)	(24.009.678.442)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		214.797.408	1.114.960.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10-30/9/2022)	Năm trước (01/10-30/9/2021)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.699.832.246	711.070.865
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.470.168.256)	(22.183.647.577)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		129.680.154.972	171.673.227.788
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(129.680.154.972)	(171.673.227.788)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.180.115.000)	(20.944.092.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.180.115.000)	(20.944.092.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		74.232.399.035	39.314.692.527
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		78.943.429.566	39.632.790.637
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		399.317.358	(4.053.598)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		153.575.145.959	78.943.429.566

Người lập biểu



Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Sơn



Lập, ngày 19 tháng 10 năm 2022

Ông/Độc



Ông/Độc
Kế Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP 12 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
 - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
 - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Cường, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau.

Theo nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông năm 2018 riêng năm tài chính đầu 2019 của việc chuyển đổi được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ. tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/9/2022: NH Bidv: 23.730 VND/USD; NH Techcombank: 23.726 VND/USD; NH Vietinbank: 23.640 VND/USD; NH Vietcombank: 23.730 VND/USD

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phải sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Cuối kỳ (30/9)	Đầu năm		
Tiền mặt		1.083.372.311	1.704.813.349		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		25.291.773.648	10.138.616.217		
Các khoản tương đương tiền		127.200.000.000	67.100.000.000		
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống</i>					
Cộng		153.575.145.959	78.943.429.566		
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0	0
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Cuối kỳ (30/9)	Đầu năm		
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD		6.922.387.933	3.086.746.350		
Công ty TNHH JIN TAIR UANTARNG CO.,LTD		3.132.353.593	515.402.100		
Công Ty TNHH Giấy Nhân Thành		1.397.605.004	14.775.285		
Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình		1.654.484.915	199.633.059		
Công ty TNHH MTV TM và gia công Trung tín		592.220.160	205.625.140		
Công ty TNHH Thương mại Giang Biên		1.028.155.312	0		
Các khách hàng khác		1.560.471.499	1.293.749.308		
Cộng		16.287.678.416	5.315.931.242		
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		Cuối kỳ (30/9)	Đầu năm		
Công ty cổ phần tư vấn quy hoạch và PT công nghệ Á Châu		75.000.000	75.000.000		
Công ty cổ phần may xuất khẩu Yên Bái		113.620.000	96.200.000		
Công ty cổ phần GEA Việt		0	78.000.000		
Công ty TNHH tư vấn đầu tư nhật minh Yên Bái		0	100.000.000		
Khách hàng khác		44.230.000	21.087.604		
Cộng		232.850.000	370.287.604		
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		Cuối kỳ (30/9)		Đầu năm (01/10)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	0		-		
Phải thu Ban lãnh đạo-Tiền tạm ứr	0		-		
Bảo Hiểm xã hội phải thu CNV	-		-		
Tiền điện thoại phải thu cá nhân	-		-		
Phải thu các tổ chức cá nhân khác	1.040.903.322		476.672.526		
Thuế TNCN phải thu của NLD	27.035.382		9.933.880		
Tạm ứng	473.844.260		337.305.878		
Phải thu lãi tiền gửi	515.731.643		102.867.671		
Các khoản phải thu khác	24.292.037		26.565.097		
Cộng	1.040.903.322		476.672.526		-

11/01/2023 P.21.1011

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Nợ phải thu, cho vay ngắn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(5.657.550)		-
Trích lập dự phòng bổ sung			-
Giảm do thu hồi được nợ	-		-
Số cuối kỳ		-	(5.657.550)

7. Hàng tồn kho	Cuối kỳ (30/9)		Đầu năm (01/10)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu;	11.649.761.291		10.504.120.663	
Chi phí sản xuất KD dở dang;	2.500.844.390		2.062.836.822	
Thành phẩm;	2.995.498.822	-	2.600.101.553	
Hàng gửi đi bán;	0		0	
Cộng	17.146.104.503	-	15.167.059.038	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền chi phí cất cũi nhà máy sản VY	98.143.500	102.303.600
Công cụ dụng cụ	47.351.040	297.108.071
Cộng	145.494.540	399.411.671

9. Chi phí trả trước dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Văn Phòng Công ty	91.734.655	47.052.737
- Nhà máy giấy Yên Bình	688.205.461	522.434.144
- Nhà máy giấy Văn Chấn	24.621.215	44.318.183
- Nhà máy giấy Minh Quân	39.393.912	107.695.919
- Nhà máy giấy Yên Hợp	132.445.180	252.884.056
- Nhà máy sản Văn Yên	1.885.803.087	1.360.501.250
- NM gia công giấy XK Phú Thịnh	209.566.388	486.870.740
Cộng	3.071.769.898	2.821.757.029

10. Phải thu dài hạn khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế của nhà thầu nước ngoài	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0

17/Đ. B. S. 4/4/

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	69.827.457.559	97.020.576.855	6.975.048.349	271.871.369	609.470.036	174.704.424.168
Tăng trong kỳ	1.052.773.642	1.982.743.112	292.663.636	-	-	3.328.180.390
-Do mua sắm mới	1.052.773.642	1.982.743.112	292.663.636			3.328.180.390
-Do phân loại TSCĐ						
-Do XDCB hoàn thành	-	(374.545.455)	(581.818.181)	-	-	(956.363.636)
Giảm trong kỳ						
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC			(581.818.181)			(581.818.181)
- Thanh lý, nhượng bán			6.685.893.804	271.871.369	609.470.036	177.076.240.922
Số cuối kỳ	70.880.231.201	98.628.774.512	6.685.893.804	271.871.369	609.470.036	177.076.240.922

Trong đó:

<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn SD</i>	43.827.736.040	50.518.349.510	1.835.988.345	354.450.000	609.470.036	97.145.993.931
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	56.031.637.407	66.064.086.619	3.951.572.081	205.635.874	609.470.036	126.862.402.017
- Tăng do trích khấu hao trong kỳ	3.915.693.621	8.138.545.658	725.653.290	61.140.456	-	12.841.033.025
- Tăng do điều chỉnh phân loại						
Giảm trong kỳ		(192.105.564)	(457.006.343)	-	-	(649.111.907)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC						
- Thanh lý, nhượng bán		(192.105.564)	(457.006.343)			(649.111.907)
Số cuối kỳ	59.947.331.028	74.010.526.713	4.220.219.028	266.776.330	609.470.036	139.054.323.135

Giá trị còn lại

Số đầu năm	13.795.820.152	30.956.490.236	3.023.476.268	66.235.495	-	47.842.022.151
Số cuối kỳ	10.932.900.173	24.618.247.799	2.465.674.776	5.095.039	-	38.021.917.787

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

- Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST 11 đưa vào sử dụng từ 01/01/2018

	Nguyên giá	Giá trị KH kỳ	Giá trị đã KH	Giá trị còn lại
Phần mềm Kế toán	171.000.000	0	171.000.000	0

17

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	1.355.035.700	3.483.239.894	1.052.773.642	373.848.732	3.411.653.220
- Giải phóng mặt bằng mở rộng nhà máy sản Vân Yên số 2	1.042.535.700	1.876.617.520	0	0	2.919.153.220
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Minh Quân	312.500.000	0	0	0	312.500.000
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Vân Chấn	0	622.750.981	442.750.981	0	180.000.000
- Nhà cửa VKT Yên Bình	0	162.485.861	0	162.485.861	0
- Nhà cửa VKT Vân Chấn	0	123.029.293	0	123.029.293	0
- Phòng ngừa và ứng phó với sự cố môi trường Yên Bình	0	610.022.661	610.022.661	0	0
- Giếng khoan Yên Bình	0	88.333.578	0	88.333.578	0
Sửa chữa lớn TSCĐ	0	8.127.141.634	561.851.178	7.565.290.456	0
- SCL Nhà máy giấy Yên Bình	0	422.562.597	0	422.562.597	0
- SCL Nhà máy giấy Vân Chấn	0	97.431.927	0	97.431.927	0
- SCL Nhà máy giấy Minh Quân	0	228.160.877	0	228.160.877	0
- SCL Nhà máy giấy Yên Hợp	0	129.264.357	0	129.264.357	0
- Sửa chữa, cải tạo hệ thống nước thải Yên Bình	0	516.717.488	0	516.717.488	0
- Đầu tư cải tạo nhà máy sản Vân Yên	0	3.711.466.084	561.851.178	3.149.614.906	0
- Dự trữ bổ sung vì sinh 02 hồ biogas	0	669.830.295	0	669.830.295	0
- Nhà máy sản Vân Yên (SCL, TX+Bảo quản kho+Ủ phân)	0	2.351.708.009	0	2.351.708.009	0
Cộng	1.355.035.700	11.610.381.528	1.614.624.820	7.939.139.188	3.411.653.220

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH An Hoa	976.866.000	448.800.000
Công ty cổ phần Đông á	665.258.832	440.254.430
Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC	935.615.124	400.872.120
Công ty TNHH Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Hồng Quân	395.340.600	0
Công ty TNHH thương mại hóa chất Ngọc Diệp	474.603.487	193.427.785
Trần Thị Nghiệp	284.291.200	0
Công ty TNHH Thương Mại Hải Ngọc	515.862.000	0
Công ty TNHH Thương Mại Phúc Hưng	970.249.536	0
Các nhà cung cấp khác	1.609.025.897	2.544.025.703
Cộng	6.827.112.676	4.027.380.038

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Giang Biên	0	418.552.635
Công ty TNHH một thành viên nông sản Đông Hưng	0	192.965.888
HTX tiểu thủ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Đức Thành Phát	14.559.596	273.412.290
HTX tiểu thủ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Dũng Thành Phát	215.505.224	0
Các khách hàng khác	454.779.981	527.580.213
Cộng	684.844.801	1.412.511.026

16. Thuế và các khoản phải nộp

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ	Phải thu
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11.997.768.696	10.808.741.674	16.274.502.752	6.532.007.618	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	0	0	0	
Thuế nhập khẩu	0	65.713.350	65.713.350	0	
Thuế TNDN	3.053.062.766	20.993.662.144	18.215.058.768	5.831.666.142	
Thuế thu nhập cá nhân	0	2.059.703.461	2.152.367.338		92.663.877
Thuế tài nguyên	12.836.340	470.316.430	471.112.390	12.040.380	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	742.929.065	742.929.065	0	
Các loại thuế khác	0	487.437.983	487.437.983	0	
Cộng	15.063.667.802	35.628.504.107	38.409.121.646	12.375.714.140	92.663.877

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phí bảo vệ môi trường rừng, nước thải công nghiệp	358.429.225	198.730.582
Tiền thuê đất năm 2021(YH; YB; Sản 2; VP)	0	452.892.084
Chi phí tiền điện	274.668.137	164.123.657
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	55.000.000	55.000.000
Cộng	688.097.362	870.746.323

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	135.849.686	147.275.558
Bảo hiểm xã hội	726.111.675	791.880.959
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.943.200.000	460.000.000
+ Công ty TNHH Khánh Hưng Hà Giang	0	460.000.000
+ Công ty TNHH Thương Mại Phúc Hưng	1.765.800.000	0
+ Công ty TNHH Thương Mại Hải Ngọc	2.675.500.000	0
+ Công Ty TNHH Nông Nghiệp Quốc Tế TPP	501.900.000	0
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	342.716.121	217.587.754
Cộng	6.147.877.482	1.616.744.271

19. Vay, nợ thuê TC ngắn hạn

	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn NH Bidv YBái	0	0	0	0
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YB	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0

Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:

	Đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn NH Bidv YBái	0	101.275.274.167	101.275.274.167	0
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YBái		28.404.880.805	28.404.880.805	0
	0	129.680.154.972	129.680.154.972	0

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Dự phòng chi phí tiền sáng kiến, cải tiến, hợp lý hóa SX	10.000.000	0
Tiền lương bổ sung	5.973.221.494	0
Cộng	5.983.221.494	0

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Đầu năm	Tăng do PP từ LN	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	0	4.007.578.934	3.163.786.000	843.792.934
Quỹ phúc lợi	1.677.474.448	0	1.202.560.000	474.914.448
Cộng	1.677.474.448	4.007.578.934	4.366.346.000	1.318.707.382

11/01/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**22. Phải trả người bán dài hạn**

Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc

Cộng

Cuối năm	Đầu năm
1.850.000	1.850.000
1.850.000	1.850.000

23. Phải trả dài hạn khác

Ông Hà Xuân Quảng

Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường

Cộng

Cuối năm	Đầu năm
5.000.000	5.000.000
20.000.000	20.000.000
25.000.000	25.000.000

11/8/2022 = 0:00:10"

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022**

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	52.360.230.000	323.060.671	2.019.361.390	31.177.343.286	85.879.995.347
Lợi nhuận trong kỳ				57.251.127.630	57.251.127.630
Trích lập các quỹ trong kỳ			6.023.267.302	(8.432.574.223)	(2.409.306.921)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP				-	-
Tăng vốn ĐL từ các quỹ				-	-
Chi cổ tức				(20.944.092.000)	(20.944.092.000)
Thưởng Ban lãnh đạo				(301.163.365)	(301.163.365)
Số dư cuối năm trước	52.360.230.000	323.060.671	8.042.628.692	58.750.641.328	119.476.560.691
Số dư đầu năm nay	52.360.230.000	323.060.671	8.042.628.692	58.750.641.328	119.476.560.691
Lợi nhuận trong kỳ				106.038.406.628	106.038.406.628
Trích lập các quỹ trong kỳ			1.145.022.553	(5.152.601.487)	(4.007.578.934)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP	26.179.450.000			(26.179.450.000)	-
Chi cổ tức bằng tiền (50%)				(26.180.115.000)	(26.180.115.000)
Thưởng Ban lãnh đạo				(1.145.022.553)	(1.145.022.553)
Số dư cuối năm nay	78.539.680.000	323.060.671	9.187.651.245	106.131.858.916	194.182.250.832

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	78.539.680.000	52.360.230.000
Thặng dư vốn cổ phần	323.060.671	323.060.671
Cộng	78.862.740.671	52.683.290.671
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	78.539.680.000	52.360.230.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0
d) Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	7.853.968	5.236.023
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.853.968	5.236.023
+ Cổ phiếu phổ thông	7.853.968	5.236.023
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.853.968	5.236.023
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000	10.000
d) Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	13.501	10.059
e) Các quỹ của doanh nghiệp:		
- Quỹ đầu tư phát triển;	9.187.651.245	8.042.628.692
25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Cuối năm	Đầu năm
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	3.847.514.516	3.345.791.735
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ngoại tệ các loại: USD	1.037.283,76	398.621,77

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
hóa	657.022.543.534	519.482.152.543
Trong đó: Doanh thu nội địa	279.568.922.970	374.616.011.407
DT xuất khẩu trực tiếp	377.453.620.564	144.866.141.136
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã	107.407.991.687	74.439.306.330
Tương đương Tiền USD	4.526.253,34	3.284.328,54
- DT Sản phẩm Giấy đề XK	34.413.050.559	28.293.034.806
Tương đương Tiền USD	1.450.191,76	1.248.313,91
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn	235.632.578.318	42.133.800.000
Quy ra USD	9.929.733,60	1.858.980,81
Tổng cộng USD:	15.906.178,70	6.391.623,26
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	1.513.347.100
Doanh thu thuần	657.022.543.534	517.968.805.443
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
	0	1.513.347.100

 44/2022
 3/5/2022
 3/5/2022
 AI
 T.Y.E

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
3. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;	478.975.592.840	420.170.198.433
	478.975.592.840	420.170.198.433
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.397.740.842	757.540.727
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.688.810.568	304.165.074
- Lãi C/lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc	518.750.806	0
- Doanh thu hoạt động tài chính	302.091.404	118.552.169
Cộng	3.907.393.620	1.180.257.970
5. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	1.172.507.118	1.525.328.840
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	160.296.424	156.743.041
- Lỗ C/lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc	0	3.746.837
- Chi phí tài chính khác		7.561.166
	1.332.803.542	1.693.379.884
6. Thu nhập khác		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	112.864.027	355.625.791
Cộng	112.864.027	355.625.791
7. Chi phí khác		
- Các khoản bị phạt; chậm nộp	472.684.011	12.443.643
- Chi phí khác	224.845.385	88.742.712
Cộng	697.529.396	101.186.355
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát		
Chi phí nhân viên quản lý	13.176.793.954	9.591.470.237
Chi phí vật liệu quản lý	390.192.075	234.995.828
Chi phí đồ dùng văn phòng	628.534.506	482.383.187
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.374.351.253	401.820.748
Thuế, phí và lệ phí	1.605.704.573	2.030.295.826
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	240.044.000	277.538.674
Chi phí dịch vụ mua ngoài	894.982.795	1.291.984.899
Chi phí bằng tiền khác	4.046.946.287	3.466.782.659
Cộng	22.357.549.443	17.777.272.058
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Các khoản chi phí bán hàng khác.	30.647.257.188	12.454.302.686
Cộng	30.647.257.188	12.454.302.686

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

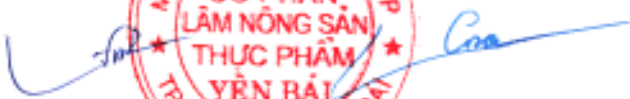
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	19.487.356.239	10.057.222.158
- Truy thu thuế TNDN theo kết luận của thanh tra thuế	1.506.305.905	0
Cộng	20.993.662.144	10.057.222.158

Người lập biểu



Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Sơn

Giám đốc



Lê Long Giang



Lập ngày 19 tháng 10 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: VND

Năm nay	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)		Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Giấy lẻ + Ván bóc+rác ván	Loại trừ nội bộ	Cộng
	Giấy để	Giấy vàng						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	162.888.359.213	108.206.169.203	383.191.107.609	-	-	2.736.907.509	-	657.022.543.534
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	40.358.434.767	24.472.509.204	108.363.222.000	-	-	(192.499.260.631)	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.305.094.660	132.678.678.407	491.554.329.609	-	-	2.736.907.509	(192.499.260.631)	657.022.543.534
Chi phí bộ phận	-	104.079.040.182	322.546.489.769	-	-	2.736.907.509	-	531.980.399.471
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	58.809.319.031	60.644.617.840	-	-	-	-	125.042.144.063
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	3.907.393.620
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	(1.332.803.542)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	112.864.027
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	(697.529.396)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	(20.993.662.144)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	106.038.406.628

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)					Tích bột sắn	Tích dầu quế	Cộng
	Số cuối năm	Giấy để	Giấy vàng mã	Tích bột sắn	Tích dầu quế			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	215.137.092.379	10.291.210.056	1.856.744.927	5.704.746.173	30.730.437	233.020.523.972		
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(36.320.583.987)	7.737.744.078	1.045.554.634	27.437.383.078	99.902.197	-		
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-		
Tổng tài sản	178.816.508.392	18.028.954.134	2.902.299.561	33.142.129.251	130.632.634	233.020.523.972		
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	20.954.841.547	10.291.210.056	1.856.744.927	5.704.746.173	30.730.437	38.838.273.140		
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-		
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-		
Tổng nợ phải trả	20.954.841.547	10.291.210.056	1.856.744.927	5.704.746.173	30.730.437	38.838.273.140		
Số đầu năm								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	136.126.462.804	10.252.606.785	2.594.296.691	3.681.852.260	30.730.437	152.685.948.977		
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(47.595.180.464)	8.112.472.883	1.382.774.738	37.478.943.036	620.989.807	-		
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-		
Tổng tài sản	88.531.282.340	18.365.079.668	3.977.071.429	41.160.795.296	651.720.244	152.685.948.977		
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	16.649.902.113	10.252.606.785	2.594.296.691	3.681.852.260	30.730.437	33.209.388.286		
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-		
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-		
Tổng nợ phải trả	16.649.902.113	10.252.606.785	2.594.296.691	3.681.852.260	30.730.437	33.209.388.286		

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	279.568.922.970	374.616.011.407
Khu vực xuất khẩu	377.453.620.564	144.866.141.136
Cộng	<u>657.022.543.534</u>	<u>519.482.152.543</u>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(5.384.797.910)	(24.009.678.442)
Cộng	<u>(5.384.797.910)</u>	<u>(24.009.678.442)</u>

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn

